

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 01 năm 2025

THÔNG BÁO
THÔNG TIN TUYỂN SINH TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG, TRUNG CẤP NĂM 2025

Căn cứ giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp số: Số 26/2021/GCNĐKHĐ-TCGDNN ngày 29 tháng 3 năm 2021 của Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp; Số 26a/2021/GCNĐKHĐ-TCGDNN ngày 16 tháng 3 năm 2022 của Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp; Số 26b/2021/GCNĐKHĐ-TCGDNN ngày 28 tháng 4 năm 2022 của Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp; Số 26c/2021/GCNĐKHĐ-TCGDNN ngày 21 tháng 3 năm 2023 của Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp; Số 26d/2021/GCNĐKHĐ-TCGDNN ngày 20 tháng 4 năm 2023 của Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp; Số 26đ/2021/GCNĐKHĐ-TCGDNN ngày 26 tháng 12 năm 2023 của Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp; Số 26e/2021/GCNĐKHĐ-TCGDNN ngày 18 tháng 01 năm 2024 của Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp;

Căn cứ Thông tin tuyển sinh các ngành đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng năm 2025 của các Khoa/ Bộ môn;

Căn cứ Biên bản họp ngày 08/01/2025 về tuyển sinh trình độ cao đẳng và trung cấp của trường Cao đẳng Công nghệ Thủ Đức;

Nhà trường thông báo thông tin tuyển sinh năm 2025 cụ thể như sau:

1. THÔNG TIN CƠ BẢN

Stt	Nội dung	Thông tin	Ghi chú
1	Phạm vi tuyển sinh	Toàn quốc	
2	Hình thức đào tạo	Chính quy, theo phương thức tích lũy tín chỉ	
3	Học phí dự kiến	* Từ 6.500.000 đồng đến 8.500.000 đồng/học kỳ (tùy ngành). * Miễn học phí GDNN cho thí sinh tốt nghiệp THCS học trung cấp. * 06 ngành cao đẳng được giảm 70% học phí (Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử; Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí; Điện công nghiệp; Chế tạo thiết bị cơ khí; Công nghệ kỹ thuật cơ khí; Công nghệ kỹ thuật ô tô	
4	Thời gian đăng ký tuyển sinh	Từ ngày 12/02/2025	
5	Hình thức đăng ký tuyển sinh	Bước 1. Đăng ký tuyển sinh trực tuyến tại website: www.tuyensinh.tdc.edu.vn Bước 2. Nộp hồ sơ đăng ký nhập học trực tiếp tại Trường Cao đẳng Công nghệ Thủ Đức hoặc gửi hồ sơ qua Bưu điện	
6	Nhập học	Dự kiến ngày 08/09/2025	

2. CÁC NGÀNH TUYỂN SINH

2.1. Trình độ cao đẳng:



+ Thời gian đào tạo: 2.5 năm (5 học kỳ)

+ Điều kiện: Tốt nghiệp THPT hoặc tương đương

+ Các ngành tuyển sinh:

Stt	Tên ngành	Mã ngành	Điều kiện tuyển sinh	Hình thức đào tạo	Chỉ tiêu được phê duyệt	Khoa	Ghi chú
1	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	6510304	Tốt nghiệp THPT hoặc tương đương	Chính quy	95	Công nghệ tự động	
2	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	6510305	Tốt nghiệp THPT hoặc tương đương	Chính quy	110		
3	Tự động hóa công nghiệp	6520264	Tốt nghiệp THPT hoặc tương đương	Chính quy	40		
4	Công nghệ kỹ thuật điện tử, truyền thông	6510312	Tốt nghiệp THPT hoặc tương đương	Chính quy	50	Điện-Điện tử	
5	- Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử - Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử (*) - Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử (***)	6510303	Tốt nghiệp THPT hoặc tương đương	Chính quy	230		-Có 2 chương trình: thông thường và chất lượng cao.
6	Điện tử công nghiệp	6520225	Tốt nghiệp THPT hoặc tương đương	Chính quy	40		
7	Kỹ thuật lắp đặt điện và điều khiển trong công nghiệp	6520201	Tốt nghiệp THPT hoặc tương đương	Chính quy	40		
8	Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí	6520205	Tốt nghiệp THPT hoặc tương đương	Chính quy	75		
9	Điện công nghiệp	6520227	Tốt nghiệp THPT hoặc tương đương	Chính quy	125		
10	- Công nghệ thông tin - Công nghệ thông tin (*)	6480201	Tốt nghiệp THPT hoặc tương đương	Chính quy	385		Công nghệ thông tin
11	Thiết kế đồ họa	6210402	Tốt nghiệp THPT hoặc tương đương	Chính quy	210		

12	Truyền thông và mạng máy tính	6480104	Tốt nghiệp THPT hoặc tương đương	Chính quy	100		
13	Chế tạo thiết bị cơ khí	6520104	Tốt nghiệp THPT hoặc tương đương	Chính quy	50	Cơ khí chế tạo máy	-Có 2 chương trình: thông thường và chất lượng cao.
14	- Công nghệ kỹ thuật cơ khí - Công nghệ kỹ thuật cơ khí (*)	6510201	Tốt nghiệp THPT hoặc tương đương	Chính quy	250		
15	Công nghệ kỹ thuật ô tô	6510202	Tốt nghiệp THPT hoặc tương đương	Chính quy	430	Cơ khí ô tô	
16	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	6810101	Tốt nghiệp THPT hoặc tương đương	Chính quy	110	Du lịch	
17	Quản trị khách sạn	6810201	Tốt nghiệp THPT hoặc tương đương	Chính quy	75		
18	Quản trị nhà hàng	6810206	Tốt nghiệp THPT hoặc tương đương	Chính quy	60		
19	Kinh doanh thương mại	6340101	Tốt nghiệp THPT hoặc tương đương	Chính quy	80	Quản trị kinh doanh	
20	Logistics	6340113	Tốt nghiệp THPT hoặc tương đương	Chính quy	180		
21	Quản lý siêu thị	6340443	Tốt nghiệp THPT hoặc tương đương	Chính quy	30		
22	Quản trị kinh doanh	6340404	Tốt nghiệp THPT hoặc tương đương	Chính quy	300		
23	Marketing	6340116	Tốt nghiệp THPT hoặc tương đương	Chính quy	100		
24	- Kế toán - Kế toán (**) - Kế toán (***)	6340301	Tốt nghiệp THPT hoặc tương đương	Chính quy	185	Tài chính kế toán	
			Tốt nghiệp THPT hoặc tương đương	Liên thông	25		
25	- Tài chính – Ngân hàng - Tài chính – Ngân hàng (***)	6340202	Tốt nghiệp THPT hoặc tương đương	Chính quy	90		
26	- Kế toán tin học - Kế toán tin học (***)		Tốt nghiệp THPT hoặc tương đương	Chính quy	60		



 BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

27	Tiếng Anh	6220206	Tốt nghiệp THPT hoặc tương đương	Chính quy	270	Tiếng Anh	
28	- Tiếng Nhật - Tiếng Nhật (***)	6220212	Tốt nghiệp THPT hoặc tương đương	Chính quy	80	BM. Tiếng Nhật	
29	Tiếng Hàn Quốc	6220211	Tốt nghiệp THPT hoặc tương đương	Chính quy	200	Tiếng Hàn	
30	- Tiếng Trung Quốc - Tiếng Trung Quốc (***)	6220209	Tốt nghiệp THPT hoặc tương đương	Chính quy	80	BM. Tiếng Nhật	
Tổng cộng:					4155		

(*): Ngành có chương trình chất lượng cao;

(**): Ngành đào tạo liên thông buổi tối.

(***): Ngành có đào tạo chính quy buổi tối.

2.2. Trình độ trung cấp:

+ Thời gian đào tạo: 2 năm (4 học kỳ)

+ Điều kiện: Tốt nghiệp THCS trở lên

+ Các ngành tuyển sinh:

Stt	Tên ngành	Mã ngành	Điều kiện tuyển sinh	Hình thức, thời gian đào tạo	Chỉ tiêu được phê duyệt	Khoa	
1	Quản lý và kinh doanh nhà hàng và dịch vụ ăn uống	5340423	Tốt nghiệp THCS trở lên	Chính quy	50	Du lịch	Dự án IECD
2	Quản lý và bán hàng siêu thị	5340424	Tốt nghiệp THCS trở lên	Chính quy	20	Quản trị kinh doanh	
3	Kế toán doanh nghiệp (***)	5340302	Tốt nghiệp THCS trở lên	Chính quy	50	Kế toán	
4	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	5510201	Tốt nghiệp THCS trở lên	Chính quy	50	Cơ khí CTM	
5	Bảo trì và sửa chữa ô tô	5520159	Tốt nghiệp THCS trở lên	Chính quy	50	Cơ khí Ô tô	Dự án IECD
6	Điện công nghiệp và dân dụng	5520223	Tốt nghiệp THCS trở lên	Chính quy	50	Điện - Điện tử	Dự án IECD
Tổng cộng:					270		

(***): Ngành có đào tạo buổi tối.

2.3. Trình độ cao đẳng chất lượng cao:

Stt	Tên ngành	Mã ngành	Điều kiện tuyển sinh	Hình thức đào tạo	Chỉ tiêu	Khoa	Ghi chú
1	Công nghệ thông tin	6480201	Tốt nghiệp THPT hoặc tương đương	Chính quy	30	Công nghệ thông tin	CT gắn kết DN và CĐ Nhật Bản Mô hình CDIO
2	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	6510303	Tốt nghiệp THPT hoặc tương đương	Chính quy	30	Điện – Điện tử	CT gắn kết DN Mô hình CDIO
3	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	6510201	Tốt nghiệp THPT hoặc tương đương	Chính quy	30	Cơ khí chế tạo máy	CT gắn kết DN Mô hình CDIO

2.4. Thông tin các ngành chất lượng cao

2.4.1. Ngành Công nghệ thông tin (chất lượng cao): Trường tổ chức tuyển sinh và đào tạo theo mô hình gắn kết với doanh nghiệp và trường cao đẳng Nhật Bản, cụ thể như sau:

+ **Hình thức tuyển sinh:** Nhà trường sẽ tổ chức xét tuyển đối với những thí sinh có nguyện vọng đăng ký theo học chương trình ngành Công nghệ thông tin gắn kết giữa Trường TDC - Tập đoàn Freesia (Nhật Bản) và Trường Tokyo Metropolitan College of Industrial Technology (TMCIT - Nhật Bản), điều kiện xét tuyển như sau:

- Vòng 1: Xét tuyển hồ sơ (Thí sinh muốn đăng ký học chương trình này phải nộp giấy xác nhận kết quả thi THPT quốc gia (Môn xét tuyển: môn Toán trong kỳ thi THPT quốc gia; Xét tuyển theo theo nguyên tắc xét điểm từ cao xuống đến khi đủ chỉ tiêu tuyển sinh cho vòng 1; Nếu thí sinh bằng điểm nhau sẽ xét tiếp điểm môn Ngoại ngữ trong kỳ thi THPT quốc gia).
- Vòng 2: Phỏng vấn (Thí sinh đáp ứng được các yêu cầu của vòng 1 sẽ trải qua vòng phỏng vấn trực tiếp với Nhà trường và đối tác Nhật Bản; Kết quả phỏng vấn sẽ là kết quả trúng tuyển chính thức. Nhà trường sẽ tuyển chọn 30 thí sinh đáp ứng tốt nhất các yêu cầu ở vòng 1 và vòng 2).

+ **Thời gian đào tạo:** 3 năm (6 học kỳ: trong đó 5 học kỳ học chuyên ngành; 1 học kỳ thực tập, học văn hóa và tác phong Nhật Bản).

+ **Quyền lợi của sinh viên khi theo học chương trình:**

Chương trình đào tạo được xây dựng trên cơ sở kết hợp giữa Trường TDC và Trường TMCIT; Được hỗ trợ chi phí 5000 yên/tháng trong thời gian 3 năm học chính thức; Được hỗ trợ học 600 giờ Tiếng Nhật miễn phí; Có cơ hội thực tập tại các doanh nghiệp thuộc tập đoàn Freesia tại Nhật Bản (chi phí do Tập đoàn Freesia đài thọ); Sau khi tốt nghiệp, có cơ hội làm việc tại các doanh nghiệp thuộc tập đoàn Freesia tại Nhật Bản, Đài Loan, Việt

Nam; Cam kết của người học: sau khi tốt nghiệp, nếu trúng tuyển, sinh viên cam kết làm việc cho các công ty được tập đoàn Freesia giới thiệu trong thời gian 06 năm.

2.4.2. Ngành Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử (chất lượng cao) và ngành Công nghệ kỹ thuật cơ khí (chất lượng cao): Ngoài chương trình thông thường, Trường tổ chức tuyển sinh và đào tạo theo chương trình chất lượng cao theo mô hình CDIO và gắn kết với doanh nghiệp đối với Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử và ngành Công nghệ kỹ thuật cơ khí.

+ **Hình thức tuyển sinh:** Nhà trường sẽ tổ chức xét tuyển đối với những thí sinh có nguyện vọng đăng ký theo học chương trình ngành Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử và ngành Công nghệ kỹ thuật cơ khí.

+ **Thời gian học:** 03 năm – 06 học kỳ.

+ **Quyền lợi của sinh viên khi theo học chương trình:** Chương trình đào tạo được xây dựng trên mô hình CDIO và hợp tác với doanh nghiệp; Được thực tập thực tế theo kế hoạch về nâng cao tay nghề đối với chương trình chất lượng cao tại các doanh nghiệp hợp tác với nhà trường; Sinh viên sau khi tốt nghiệp được ưu tiên giới thiệu việc làm.

Nơi nhận:

- BGH để báo cáo;
- Các P, K, TT, BM
- Lưu TCHC, QLĐT



HIỆU TRƯỞNG

Phạm Hữu Lộc